TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐIỆN BÀN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **119**/2025/DS-ST Ngày 04-6-2025. V/v *"Tranh chấp hợp đồng đặt mua đất nền"*.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN – TỈNH QUẢNG NAM

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thể.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Lương T.

2/ Bà Lương Thị Kim Anh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Quý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hòa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường TAND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2024/TLST-DS, ngày 19/3/2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng đặt mua đất nền"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 336/2024/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 25/12/2024 và Thông báo mở lại phiên tòa ngày 09/5/2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Mai Văn T, sinh năm: 1982; Địa chỉ: 223 Hùng Vương, thị trấn P, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1983; địa chỉ: Thôn Ng, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (Văn bản ủy quyền ngày 11/4/2025). Có mặt.

- *Bị đơn:* + Công ty Cổ phần A; địa chỉ trụ sở: Lô A7-21, 22 KĐT S, phường Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Diệp Bảo L - Tổng giám đốc và ông Nguyễn Công M - Chủ tịch Hội đồng quản trị (ông L và ông M vắng mặt).

+ Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản G; địa chỉ trụ sở chính: 207/6 Nguyễn Văn Thủ, phường Đ, Quận 1, tp HCM. Địa chỉ liên hệ: Số 51P Nguyễn Chí T, phường Th, quận H, T phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Anh Đ - Chức danh: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Quang T - Chức danh: Phó giám đốc (ông T vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1976; địa chỉ: Khối phố N, huyện P, Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do có nhu cầu mua đất nền để làm nhà ở nên ngày 23/8/2017, ông Mai Văn T và bà Nguyễn Thị T đã ký kết hợp đồng đặt mua đất nền số 1837/2017/HĐĐM-G (viết tắt: Hợp đồng số 1837) với Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản G (viết tắt: Công ty G) để đặt mua lô đất ký hiệu số C18-37; diện tích 112.5m^2 (rộng 5m, dài 22.5m) tại Dự án 7B mở rộng mà chủ đầu tư là Công ty Cổ phần A với giá trị hợp đồng với giá trị hợp đồng là 513.049.500 đồng; giá trị sau khi trừ chiếc khấu: 456.614.055 đồng. Thực hiện hợp đồng, ông T và bà T đã T toán đầy đủ và đúng theo T độ số tiền là: 433.783.310 đồng (đã trừ chiếc khấu) tương đương 95% giá trị lô đất. Số tiền này ông T và bà T đã nộp trực tiếp cho Công ty Cổ phần Bất động sản G, đây là tiền T toán giá trị lô đất. Số tiền còn lại phải đóng là 22.830.745 đồng tương đương 5% giá trị lô đất, thỏa thuận khi nào hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng QSD đất tại Công chứng, bàn giao bản chính giấy chứng nhận và bàn giao lô đất trên thực tế thì ông T và bà T sẽ T toán cho Công ty G.

Vào thời điểm ký hợp đồng đặt mua đất nền với Công ty G, ông T và bà T biết thửa đất nêu trên chủ đầu tư là Công ty A và thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Sở dĩ ông T và bà T ký hợp đồng đặt mua đất nền với Công ty G là do Công ty G đã ký hợp đồng thỏa thuận góp vốn để đặt mua đất nền dự án 7B mở rộng với Công ty A số 14/2017/HĐĐC/BĐA-CN ngày 14/7/2017 (viết tắt: Hợp đồng số 14/2017/HĐĐC/BĐA-CN). Khi ký hợp đồng đặt mua, Công ty G cung cấp các văn bản pháp lý liên quan đến Dự án 7B mở rộng nơi có thửa đất mà ông T và bà T đặt mua. Việc ký hợp đồng đặt mua đất nền giữa ông T và bà T với Công ty G nhằm mục đích T đến việc ký hợp đồng chuyển nhượng QSD đất tại Văn phòng Công chứng khi thửa đất nêu trên được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Theo Điều 4 của Hợp đồng quy định: *"Thời gian tạo lập và ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất là 14 tháng kể từ ngày Hợp đồng đặt mua này được ký kết"*, nhưng đến nay đã hơn 06 năm vẫn chưa nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho lô đất nêu trên mặc dù ông T và bà T đã nhiều lần yêu cầu.

Nay ông T và bà T yêu cầu Tòa án buộc Công ty G và Công ty A phải liên đới tiếp tục thực hiện Hợp đồng 1837, ký hợp đồng chuyển nhượng QSD đất đối với lô đất ký hiệu số C18-37 tại Văn phòng công chứng, bàn giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bàn giao lô đất trên thực tế cho vợ chồng ông T và bà T. Đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nguyên đơn đã nộp tạm ứng 800.000 đồng, nguyên đơn yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

Với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà T đồng ý với yêu cầu của khởi kiện của ông T và đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của ông T.

Bị đơn Công ty G do ông Đinh Quang T đại diện trình bày: Dự án 7B mở rộng tại Khu đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc chủ đầu tư là Công ty Cổ phần A. Ngày 14/7/2017 Công ty G và Công ty A đã ký hợp đồng thỏa thuận góp vốn để đặt cọc mua đất nền dự án 7B mở rộng số 14/2017/HĐĐC/BĐA-CN. Theo hợp đồng thì Công ty A đồng ý cho Công ty G góp vốn đặt cọc để mua 435 Lô đất nền thuộc dự án 7B mở rộng (có danh sách kèm theo hợp đồng).

Công ty G là một trong những đơn vị phân phối sản phẩm Dự án 7B mở rộng do chủ đầu tư là Công ty A thực hiện. Trên cơ sở ký hợp đồng thoả thuận góp vốn với Công ty A thì ngày 23/8/2017, ông T và bà T đã ký kết hợp đồng đặt mua đất nền số: 1837/2017/HĐĐM-G với Công ty G để đặt mua lô đất ký hiệu số C18-37, diện tích 112.5m^2; tại dự án 7B mở rộng mà chủ đầu tư là Công ty A với giá trị hợp đồng là: 513.049.500 đồng. Sau khi ký hợp đồng, Công ty ký xác xác nhận ông Mai Văn T và bà Nguyễn Thị T đã T toán giá trị lô đất cho Công ty G với tổng số tiền là 433.783.310 (đã trừ chiếc khấu).

Vào thời điểm ký hợp đồng đặt mua đất nền với Công ty G, tất cả các khách hàng đều biết rõ tình trạng pháp lý của lô đất đặt mua và chủ đầu tư của Dự án 7B mở rộng là Công ty A, đồng thời trên thực tế Công ty G chưa bàn giao lô đất nêu trên cho ông Mai Văn T và bà Nguyễn Thị T.

Tại thời điểm khách hàng đặt cọc mua đất nền dự án 7B mở rộng, Công ty A vẫn chưa thể ký trực tiếp với khách hàng vì thiếu một số thủ tục pháp lý vì vậy mặt dù có thỏa thuận với Công ty A, nhưng Công ty G đã thiếu văn bản ủy quyền để đứng ra ký hợp đồng đặt cọc tạm thời với khách hàng thay cho Công ty A, Công ty G đã tổng hợp danh sách khách hàng gửi qua Công ty A để Công ty A nắm bắt, theo dõi. Sau khi dự án 7B mở rộng hoàn T các thủ tục pháp lý Công ty G sẽ tổng hợp danh sách khách hàng để gửi qua Công ty A ký trực tiếp với khách hàng, bên cạnh đó Công ty G sẽ thu hồi và T lý hợp đồng đặt mua đất nền đã ký với khách hàng.

Số tiền mà Công ty G nhận của ông T và bà T và các khách hàng khác, Công ty G không chuyển cho Công ty A theo từng khách hàng đối với từng lô đất mà đã chuyển tiền cho Công ty A theo từng đợt T toán được quy định tại Điều 2 của Hợp đồng thỏa thuận góp vốn để đặt cọc mua đất nền dự án 7B mở rộng số 14/2017/HĐĐC-BĐA-CN ngày 14/7/2017 và đến nay Công ty G chuyển nhiều đợt tương đương 70% giá trị hợp đồng số 14/2017/HĐĐC-BĐA-CN ngày 14/7/2017.

Hiện nay Công ty A vẫn đang thực hiện hợp đồng đã ký kết với Công ty G và Công ty G vẫn đang tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt mua đất nền dự án 7B mở rộng đã ký kết với các khách hàng trong đó có ông T, bà T. Dự án khu đô thị 7B mở rộng đã được UBND tỉnh Quảng Nam thống nhất điều chỉnh T độ thực hiện theo Công văn số 6807/UBND-KTN ngày 10/9/2024, chủ đầu tư đang hoàn thiện cơ sở pháp lý và thi công cơ sở hạ tầng để hoàn T dự án.

Nay ông Mai Văn T khởi kiện, Công ty G đã và đang tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 1837 với ông ông Mai Văn T và bà Nguyễn Thị T.

- Công ty Cổ phần A: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Công ty vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tóm tắt ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp

luật, riêng đại diện Công ty A và Công ty G không chấp hành đúng quy định của pháp luật, nhiều lần vắng mặt không có lý do.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty G và Công ty A phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 1837, giữa Công ty G với Mai Văn T và bà Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông T khởi kiện yêu cầu Công ty A và Công ty G liên đới tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 1837, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hợp đồng dân sự mà cụ thể là *"Tranh chấp hợp đồng đặt mua đất nền"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện, thị xã. Hiện nay Công ty A có trụ sở chính tại phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam và Công ty G có trụ sở chính tại phường Đ, Quận 1, tp HCM, theo điểm h khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Nếu các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở ở nhiều nơi khác nhau thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi một trong các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở giải quyết"*. Trong vụ án này nguyên đơn đã lựa chọn Toà án nơi Công ty A có trụ sở để giải quyết, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ ông Diệp Bảo L và ông Nguyễn Công M là người đại diện theo pháp luật của Công ty A và người đại diện theo ủy quyền của Công ty G ông Đinh Quang T đến phiên tòa lần thứ 2, nhưng các đương sự đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt các đương sự là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty A và Công ty G liên đới thực hiện Hợp đồng số 1837, thực hiện thủ tục ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng lô đất ký hiệu số C18-37, bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bàn giao lô đất cho ông T và bà T. Xét thấy việc ông T và bà T yêu cầu tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 1837 là đã bao gồm các nội dung về việc thực hiện thủ tục ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với lô đất, bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bàn giao lô đất; bởi lẽ các yêu cầu nêu trên được các bên thoả thuận tại Điều 6 của Hợp đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu buộc tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 1837 là đã đảm bảo tất cả các yêu cầu của nguyên đơn.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Công ty A là chủ đầu tư Dự án Khu đô thị 7B mở rộng tại Đô thị mới Điện Nam- Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam theo Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc chuyển nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Quảng Nam từ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Đạt sang cho Công ty A. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, Công ty A tìm kiếm đối tác có khả năng tài chính để T hành góp vốn đầu tư xây dựng dự án theo đúng thiết kế, quy hoạch được phê

duyệt và Công ty G mong muốn góp vốn đặt cọc mua các lô đất tại dự án 7B mở rộng, nên ngày 14/7/2017 Công ty A ký kết Hợp đồng số 14/2017/HĐĐC/BĐA-CN với Công ty G. Theo nội dung Hợp đồng số 14/2017/HĐĐC/BĐA-CN thì Công ty A đồng ý cho Công ty G góp vốn đặt cọc để mua 435 lô đất nền tại dự án 7B mở rộng, danh sách, vị trí chi tiết của các lô đất được thể hiện trong phụ lục số 01 là một phần không thể tách rời Hợp đồng số 14/2017/HĐĐC/BĐA-CN. Các bên tham gia ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung giao kết hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên Hợp đồng số 14/2017/HĐĐC/BĐA-CN phát sinh hiệu lực, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 117, khoản 1 Điều 275, Điều 352, Điều 401 của Bộ luật Dân sự.

Thực hiện Hợp đồng số 14/2017/HĐĐC/BĐA-CN, Công ty G T hành T toán tiền đặt cọc mua các lô đất cho Công ty A theo nội dung thoả thuận, đồng thời Công ty G T hành ký hợp đồng đặt mua đất nền với các khách hàng trong phạm vi 435 lô đất đã góp vốn tại Hợp đồng số 14/2017/HĐĐC/BĐA-CN. Ngày 23/8/2017 Công ty G T hành ký Hợp đồng số 1837 với ông T và bà T. Theo nội dung hợp đồng thể hiện ông T và bà T có nhu cầu đặt mua lô đất tại dự án 7B mở rộng ký hiệu số C18-37, diện tích 112.5m^2 với giá 513.049.500 đồng. Công ty G sẽ T hành các thủ tục ký hợp đồng chuyển nhượng QSD đất tại phòng công chứng và hoàn tất các thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất trong vòng 14 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng số 1837. Các bên tham gia ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung giao kết hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên Hợp đồng số 1837 phát sinh hiệu lực, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 117, khoản 1 Điều 275, Điều 352, Điều 401 của Bộ luật Dân sự.

Thực hiện Hợp đồng số 1837, ông T và bà T thực hiện T độ T toán đúng thoả thuận và đã nộp trực tiếp cho Công ty G số tiền 433.783.310 đồng tương đương 95% giá trị lô đất mà ông T và bà T đặt mua.

Theo khoản 8.2.17 Điều 9 của Hợp đồng số 14/2017/HĐĐC/BĐA-CN quy định: *"bên B có quyền bán/chuyển nhượng các lô đất cho bên thứ Ba sau khi T toán tiền đặt cọc và nộp đủ tiền đợt 1*". Theo các chứng cứ mà Công ty G cung cấp tính đến ngày 22/8/2017 Công ty G đã T toán đợt 1 tiền đặt cọc theo Hợp đồng số 14/2017/HĐĐC/BĐA-CN là 31.000.000.000 đồng (ba mươi mốt tỷ đồng) tương đương 22% giá trị Hợp đồng số 14/2017/HĐĐC/BĐA-CN, Công ty G thực hiện đúng nội dung thoả thuận tại Điều 2 và Điều 9 của Hợp đồng số 14/2017/HĐĐC/BĐA-CN, nên Công ty G được quyền ký Hợp đồng số 1837 với ông T và bà T. Đồng thời đại diện Công ty G thừa nhận đã và đang tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt mua đất nền dự án 7B mở rộng đã ký kết với ông T và bà T. Tình tiết này được đại diện Công ty Giaia thừa nhận, căn cứ khoản 3 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; đây là những tình tiết không cần phải chứng minh. Do đó việc ông T và bà T yêu cầu Công ty G tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 1837 là có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu buộc Công ty A liên đới thực hiện Hợp đồng số 1837 thấy rằng: Theo khoản 5.1 Điều 5 của Hợp đồng số 14/2017/HĐĐC/BĐA-CN quy định*: "...Ngay sau khi*

ký hợp đồng này, bên B có quyền chỉ định các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện sở hữu bất động sản tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là bên thứ Ba) ký hợp đồng đặt cọc/nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong phạm vi các lô mà bên B đã đặt cọc mua của A tại Điều 1 của Hợp đồng này. Bách Đạt không được phép từ chối ký hợp đồng đặt cọc/chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với bên thứ Ba. Quyền và nghĩa vụ của bên thứ Ba quy định trong hợp đồng đặt cọc/nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất sẽ kế thừa tương ứng các quyền và nghĩa vụ của bên B theo quy định tại Hợp đồng này và các quy định của pháp luật…"

Theo tiểu mục 8.2.8 và tiểu mục 8.2.9 khoản 8.2 Điều 8 của Hợp đồng số 14/2017/HĐĐC/BĐA-CN quy định cam kết và nghĩa vụ của A như sau: "*Ký kết hợp đồng đặc cọc/chuyển quyền đặt mua với bên thứ Ba ngay khi bên B chỉ định và bên thứ Ba đã T toán đủ khoản tiền đợt 1"và* "*Bách Đạt cam kết ký và bàn giao hợp đồng đặt cọc/chuyển quyền sử dụng đất với bên thứ Ba trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày bên B chuyển danh sách bên thứ Ba mua các lô đất sang cho Bách Đạt".*

Từ những thoả thuận và cam kết nêu trên của Công ty A, thì Công ty A không có quyền từ chối ký hợp đồng đặt cọc/hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bên thứ Ba do Công ty G chỉ định trong phạm vi 435 lô đất mà Công ty G góp vốn đặt mua tại Hợp đồng số 14/2017/HĐĐC/BĐA-CN. Mặc khác Công ty G thừa nhận Công ty A vẫn đang thực hiện Hợp đồng số 14/2017/HĐĐC/BĐA-CN với Công ty G, đồng thời theo các chứng từ T toán do Công ty G cung cấp tính đến nay Công ty G đã T toán cho Công ty A với tổng số tiền 101,2 tỷ đồng (một trăm lẻ một tỷ, hai trăm triệu đồng) tương đương 70% giá trị Hợp đồng số 14/2017/HĐĐC/BĐA-CN, nguồn tiền 101,2 tỷ đồng mà Công ty G đã T toán cho Công ty A được thu từ các khách hàng đặt cọc mua 435 lô đất tại Hợp đồng số 14/2017/HĐĐC/BĐA-CN, trong đó có lô đất ký hiệu số C18-37 của ông T và bà T đặt mua.

Theo thoả thuận tại Điều 4 của Hợp đồng số 1837 quy định thời gian tạo lập và ký kết hợp đồng chuyển nhượng QSD đất là 14 tháng kể từ ngày hợp đồng đặt mua được ký kết, đến nay đã quá thời hạn thỏa thuận, nhưng ông T và bà T vẫn yêu cầu tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 1837. Đồng thời dự án Khu đô thị 7B mở rộng hiện nay tuy chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Nam điều chỉnh T độ thực hiện dự án đến hết tháng 12/2025 và hoàn T đưa vào khai thác sử dụng theo Văn bản số 6807/UBND-KTN ngày 10/9/2024. Do đó, Hợp đồng số 1837 vẫn đảm bảo các điều kiện có hiệu lực để thực hiện theo quy định của pháp luật, nên HĐXX buộc Công ty A và Công ty G liên đới tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 1837 là có căn cứ pháp luật.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, việc ông T và bà T yêu cầu Công ty A liên đới cùng Công ty G tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 1837 là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì Công ty A và Công ty G liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm và

chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 800.000 đồng và đã chi phí xong, nên Công ty A và Công ty G phải liên đới hoàn trả lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm h khoản 1 Điều 40, khoản 3 Điều 92, Điều 157, 158, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, khoản 1 Điều 275, Điều 352, Điều 288, Điều 385, Điều 398, Điều 401 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn T đối với Công ty Cổ phần A và Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản G về việc: *"Tranh chấp hợp đồng đặt mua đất nền".*

1. Buộc Công ty Cổ phần A và Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản G phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục thực hiện Hợp đồng đặt mua đất nền dự án 7B mở rộng số 1837/2017/HĐĐM-G ký kết ngày 23/8/2017, giữa Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản G với ông Mai Văn T và bà Nguyễn Thị T.

2. Về án phí: Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản G và Công ty Cổ phần A phải có nghĩa vụ liên đới chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông T và bà T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0014367 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chổ số tiền 800.000 đồng *(Tám trăm nghìn đồng)*. Buộc Công ty Cổ phần A và Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản G phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông T và bà T số tiền trên.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 04/6/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Võ Văn Thể